

**THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

|                    |           | 1D     | YTD    |
|--------------------|-----------|--------|--------|
| DJI                | 31,385.76 | 0.76%  | 3.21%  |
| S&P500             | 3,915.59  | 0.74%  | 4.92%  |
| NASDAQ             | 13,987.64 | 0.95%  | 8.68%  |
| VIX                | 21.24     | 1.77%  |        |
| FTSE 100           | 6,523.53  | 0.53%  | -0.49% |
| DAX                | 14,059.91 | 0.02%  | 2.49%  |
| CAC40              | 5,686.03  | 0.47%  | 1.55%  |
| Nikkei             | 29,442.00 | 0.64%  | 7.28%  |
| Shanghai           | 3,532.45  | 1.03%  | 3.46%  |
| Kospi              | 3,091.24  | -0.94% | 7.58%  |
| Hang Seng          | 29,319.47 | 0.11%  | 8.00%  |
| STI (Singapore)    | 2,931.40  | 0.84%  | 2.17%  |
| SET (Thái Lan)     | 1,516.43  | 1.32%  | 4.63%  |
| Dầu thô (\$/thùng) | 58.23     | 1.36%  | 20.56% |
| Vàng (\$/ounce)    | 1,837.40  | 1.26%  | -3.48% |

- Kết thúc phiên 8/2, chứng khoán Mỹ đồng loạt tăng hoa trong bối cảnh nhà đầu tư lạc quan về gói kích thích mới và sự hồi phục của nền kinh tế. Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones tăng 237,52 điểm, tương đương 0,8%, lên mức cao kỷ lục 31.385,76 điểm. S&P 500 tăng 0,7% và đóng ở mức cao nhất mọi thời đại là 3.915,59 điểm. Chỉ số blue-chip Dow và S&P 500 đã tăng trong 6 ngày liên tiếp, đánh dấu chuỗi tăng điểm dài nhất kể từ tháng 8. Nasdaq Composite tăng 1% lên 13.987,64 điểm, cũng chạm đỉnh mới.

**KINH TẾ VĨ MÔ**

|                        |        | 1D (bps) | YTD (bps) |
|------------------------|--------|----------|-----------|
| Lãi suất liên NH       | 2.09%  | 1        | 196       |
| Lãi suất tiết kiệm 12T | 5.80%  | 0        | 0         |
| TPCP - 5 năm           | 1.13%  | -23      | -9        |
| TPCP - 10 năm          | 2.14%  | -4       | 11        |
| USD/VND                | 23,057 | -0.21%   | -0.52%    |
| EUR/VND                | 28,383 | -0.02%   | -2.47%    |
| CNY/VND                | 3,630  | 0.08%    | 1.60%     |

- Trên thị trường liên ngân hàng, doanh số giao dịch trong tuần 25/1 - 29/1 đạt bình quân xấp xỉ 126.636 tỷ đồng/ngày, tăng hơn 30% so với tuần trước đó. Cụ thể, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 1 tháng lần lượt là 0,17%/năm, 0,31%/năm và 0,85%/năm.

**TTCK VIỆT NAM**

|                        |           | 1D     | YTD    |
|------------------------|-----------|--------|--------|
| VN-INDEX               | 1,083.18  | -3.88% | -1.48% |
| VN30                   | 1,093.84  | -3.67% | 3.35%  |
| HNX                    | 220.76    | -1.38% | 12.00% |
| UPCOM                  | 72.65     | -1.68% | -1.60% |
| GT mua ròng NĐTNN (tỷ) | -1,385.49 |        |        |
| Tổng GTGD (tỷ)         | 19,079.42 | 25.40% | 11.23% |

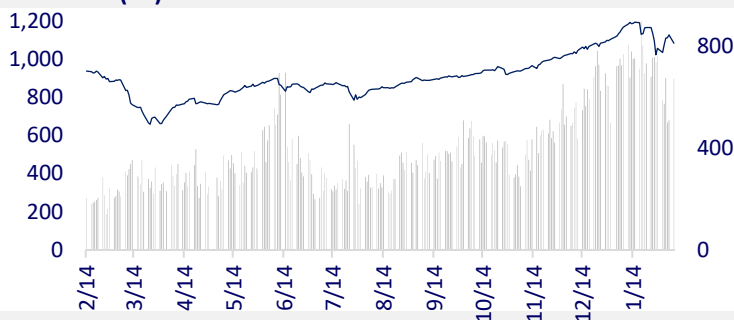
- Giao dịch khối ngoại khá tiêu cực khi họ bán gần 1.400 tỷ đồng trên toàn thị trường và đây cũng là phiên bán ròng kỷ lục thông qua khớp lệnh trong nhiều năm nay. Lực bán của khối ngoại tập trung vào các Bluechips như HPG (-275,8 tỷ đồng), VHM (-174 tỷ đồng), VNM (-148 tỷ đồng), VCB (-121 tỷ đồng)...

**ETF & PHÁI SINH**

|           |        | 1D     | YTD   |
|-----------|--------|--------|-------|
| FUESSV50  | 15,900 | -4.79% | 5.30% |
| E1VFN30   | 18,590 | -4.62% | 7.46% |
| FUESSV30  | 13,560 | -4.44% | 1.95% |
| FUEVFN30  | 18,050 | -3.99% | 4.94% |
| VN30F2106 | 1,101  | -3.65% |       |
| VN30F2103 | 1,108  | -3.41% |       |
| VN30F2101 | 1,101  | -3.76% |       |
| VN30F2012 | 1,092  | -4.20% |       |

**THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH**

**INTRADAY VNINDEX**

**VNINDEX (1Y)**

**LỊCH SỰ KIỆN**

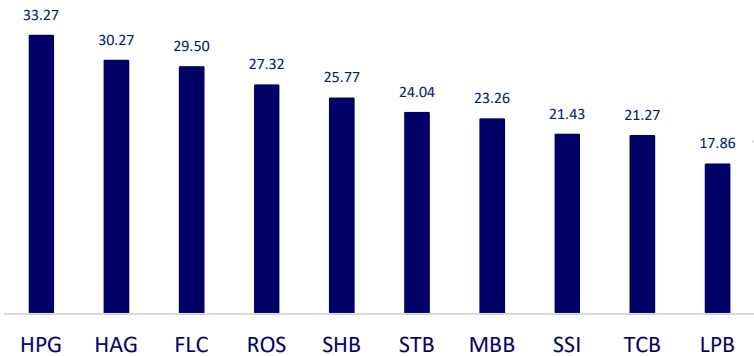
| Mã  | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Loại     | Tỉ lệ | Giá trị |
|-----|------------|-----------|----------------|----------|-------|---------|
| DTV | 2/17/2021  | 2/18/2021 | 2/26/2021      | Tiền mặt |       | 1,500   |
| BHN | 2/18/2021  | 2/19/2021 | 3/31/2021      | Tiền mặt |       | 2,830   |
| PAS | 2/23/2021  | 2/24/2021 | 3/24/2021      | Tiền mặt |       | 500     |
| PAS | 2/23/2021  | 2/24/2021 | 2/5/2021       | Cổ phiếu |       | 0.1     |
| PSD | 2/25/2021  | 2/26/2021 | 3/16/2021      | Tiền mặt |       | 1,000   |
| SAB | 3/2/2021   | 3/3/2021  | 3/25/2021      | Tiền mặt |       | 1,500   |
| CPC | 3/4/2021   | 3/5/2021  | 3/25/2021      | Tiền mặt |       | 1,000   |

TIN TỨC CHỌN LỌC

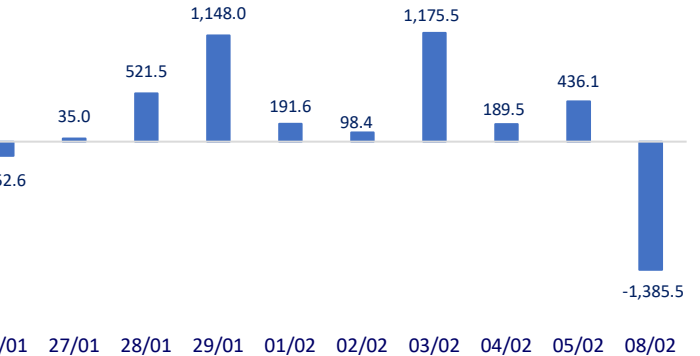
- Ngân hàng Nhà nước bơm ròng thêm 12.000 tỷ đồng
- 28 doanh nghiệp xuất khẩu gần 65 triệu khẩu trang trong tháng 1-2021
- Gần 60% doanh nghiệp Nhật tại Việt Nam có kế hoạch mở rộng kinh doanh
- Cán cân thương mại Mỹ-Trung có cải thiện dù căng thẳng vẫn hiện hữu
- Trung Quốc ban hành các quy tắc mới về chống độc quyền
- Hyundai và Kia xác nhận dừng đàm phán với Apple về Apple Car

|     | Đóng cửa | 1D     | 5D     | KL mua     | KL bán     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|----------|--------|--------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VCB | 94,100   | -5.90% | 3.29%  | 4,932,100  | 4,065,600  | - Top 10 ngân hàng có số dư nợ xấu lớn nhất tính đến thời điểm 31/12 bao gồm BIDV, VPBank, VietinBank, Sacombank, SHB, Vietcombank, MB, VIB, Eximbank và LienVietPostBank. Cụ thể, BIDV tiếp tục giữ đứng đầu "bảng xếp hạng" với số dư nợ xấu đạt 21.342 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cuối năm trước. |
| BID | 40,100   | -4.07% | 2.56%  | 3,100,000  | 3,173,300  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| CTG | 34,050   | -4.89% | 6.41%  | 19,595,300 | 22,395,200 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| TCB | 35,000   | -3.58% | 8.70%  | 36,120,500 | 35,101,600 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VPB | 36,000   | -2.70% | 16.13% | 13,371,800 | 13,961,400 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| MBB | 23,900   | -3.43% | 8.64%  | 34,246,600 | 40,444,500 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| HDB | 23,450   | -2.70% | 5.63%  | 6,553,400  | 7,583,600  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| TPB | 26,200   | -1.87% | 7.60%  | 3,665,800  | 3,732,700  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| STB | 17,400   | -4.92% | 8.07%  | 39,838,400 | 46,480,100 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| NVL | 77,700   | -3.12% | -3.00% | 4,475,200  | 4,598,000  | - PDR: Dựa trên dữ liệu giá đóng cửa của ngày giao dịch 03/02/2021,PDR có thể sẽ được thêm vào danh mục của quỹ FTSE với tỷ trọng khoảng 1,7% tương ứng số lượng cổ phiếu mua vào là khoảng 2,6 triệu cổ phiếu.                                                                                     |
| TCH | 21,000   | -6.87% | 2.69%  | 13,350,000 | 17,284,100 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| KDH | 31,000   | -5.34% | 3.68%  | 2,880,700  | 3,285,700  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| PDR | 61,300   | 1.49%  | 12.48% | 4,894,200  | 5,033,200  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| GAS | 79,000   | -2.71% | 5.05%  | 2,808,000  | 2,791,500  | - Kết thúc phiên 08/02, dầu Brent tăng 1,22 USD (2,1%) lên 60,56 USD/thùng; dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) tăng 1,12 USD (2%) lên 57,97 USD/thùng                                                                                                                                                            |
| POW | 12,150   | -4.33% | 5.65%  | 21,812,700 | 23,188,000 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| PLX | 52,000   | -0.38% | 7.22%  | 3,067,300  | 3,162,900  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VIC | 101,000  | -6.05% | 2.02%  | 5,406,200  | 4,837,300  | - VIC: Vingroup đang sử dụng năng lực công nghệ của mình để thay đổi căn bản các cửa hàng tạp hóa truyền thống, giúp ngành bán lẻ Việt Nam hội nhập sâu hơn                                                                                                                                         |
| VHM | 94,700   | -4.63% | 7.25%  | 6,627,300  | 7,661,400  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VRE | 30,900   | -5.50% | 3.00%  | 14,868,600 | 16,079,300 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VNM | 105,300  | -3.92% | 2.53%  | 7,340,500  | 7,399,900  | - VNM: Vinamilk lập liên doanh nhập và phân phối sữa tại Philippines. Cụ thể, liên doanh có vốn đầu tư giai đoạn đầu 6 triệu USD, trong đó Vinamilk góp 50% vốn.                                                                                                                                    |
| BVH | 57,400   | -4.33% | 7.29%  | 1,672,900  | 1,968,000  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| MSN | 85,600   | -4.46% | 4.39%  | 3,713,200  | 3,600,000  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| SBT | 20,550   | 0.24%  | 22.32% | 8,712,200  | 9,850,100  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VJC | 124,600  | -4.96% | -0.72% | 1,588,600  | 1,566,700  | - REE: REE bị truy thu và phạt gần 1,4 tỷ đồng tiền thuế. Theo đó, REE đã khai sai thuế gia tăng giá trị đầu vào được khấu trừ, khai sai chi phí được trừ dẫn đến thiếu tiền thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp                                                                                          |
| FPT | 71,300   | -2.19% | 12.28% | 6,564,500  | 5,915,500  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| MWG | 128,500  | -1.53% | 3.88%  | 4,078,100  | 2,854,400  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| PNJ | 80,900   | -3.58% | 2.66%  | 1,120,400  | 1,560,500  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| REE | 54,000   | 0.93%  | 7.78%  | 2,849,000  | 2,925,300  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| SSI | 30,600   | -2.86% | 14.18% | 44,499,300 | 38,108,600 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| HPG | 40,900   | -3.76% | 6.65%  | 52,767,600 | 58,674,000 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |          |        |        |            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

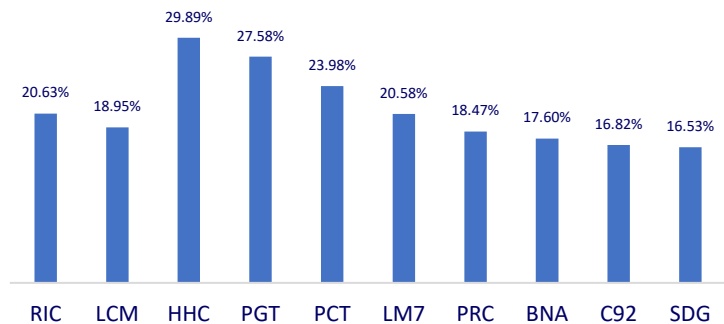
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

